

TIẾNG VỌNG TIỀN NHÂN QUA HOÀNH PHI, CÂU ĐỐI TẠI PHỦ ĐỆ Ở HUẾ

Huỳnh Văn Thắng

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: vanthanghnk34@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/01/2025; ngày hoàn thành phản biện: 9/02/2025; ngày duyệt đăng: 10/6/2025

TÓM TẮT

Hoành phi, câu đối là loại hình nghệ thuật đặc trưng của nền văn hoá, văn học Việt Nam. Loại hình nghệ thuật này được hình thành, phát triển trong thời trung đại và tồn tại cho đến ngày hôm nay. Tùy theo từng loại hình kiến trúc mà hoành phi, câu đối có những nội dung biểu hiện khác nhau. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát nội dung hoành phi, câu đối được khắc ghi trên các phủ đệ ở Huế.

Từ khoá: Hoành phi, câu đối, phủ đệ, Nho giáo.

1. Hoành phi, câu đối là một trong những loại hình nghệ thuật gắn liền với đời sống văn hoá, văn học trung đại Việt Nam. Loại hình nghệ thuật này hiện diện khắp nơi, từ cung vàng điện ngọc của vua chúa, lầu son gác tía của quan lại cho đến đình, chùa, miếu mạo... tạo nên những sắc thái nghệ thuật đặc trưng của dân tộc. Tuy luôn gắn bó, song hành với nhau như “hai người bà con gần gũi” (chữ dùng của Nguyễn Đình Chú) nhưng hoành phi, câu đối vẫn khác biệt nhau về loại. Hoành phi là nghệ thuật kết hợp độc đáo giữa thư pháp và mỹ thuật, được thể hiện trên các chất liệu bền vững như gỗ, đá hoặc kim loại thay vì giấy, vải hay lụa thông thường. Đây là những bức “tranh chữ” với nội dung ý nghĩa được khắc chạm và trang trí tinh xảo, mang lại vẻ trang trọng, bề thế cho không gian. Có hai loại hoành phi phổ biến là hoành phi thư hoạ và hoành phi thờ tự. Khác với hoành phi, câu đối là một thể loại văn học của Trung Quốc được du nhập vào Việt Nam từ lâu đời và trở thành thú chơi tao nhã, thành món ăn tinh thần của người dân Việt. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* thì câu đối là “Một thể văn đặc biệt có quy mô nhỏ, mỗi đơn vị tác phẩm (được gọi là câu) gồm hai vế (thực chất là hai câu) đối xứng với nhau về từ loại, âm thanh và ý nghĩa dùng để biểu lộ tư tưởng, tình cảm, thái độ trước một con người, một sự việc hoặc một cảnh vật, một đối tượng nào đó mà chủ thể (tác giả) quan tâm chú ý... Người ta phân câu đối

thành ba loại: câu đối sách, câu đối tức cảnh, câu đối chiết tự... Câu đối cũng được phân thành ba dạng: câu tiểu đối, câu đối thơ, câu đối phú” [1, tr. 49 - 50]. Dẫu khác biệt nhau về loại hình, tính chất nhưng do đặc điểm “gần gũi” nên hoành phi, câu đối thường được kết hợp để chuyển tải những nội dung thống nhất về tấm gương đạo đức, về những lời giáo huấn của tiên nhân hay ca ngợi địa linh nhân kiệt, cảnh sắc hữu tình của quê hương, xứ sở. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi tập trung tìm hiểu những nội dung được thể hiện trên hoành phi, câu đối của các phủ đệ ở Huế. Mặc dầu chưa thật sự đầy đủ nhưng qua những tư liệu có được, người đọc không chỉ cảm nhận được dấu ấn vàng son của một thời vang bóng mà còn *thẩm thấu* được những lời giáo huấn của tiên nhân dẫu cho lịch sử biết bao dâu bể, thăng trầm.

2. Hầu hết phủ đệ ở Huế gắn liền với các vương triều nhà Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1945. Cùng với quần thể kiến trúc kinh thành Huế, các lăng tẩm, chùa chiền, phủ đệ làm nên nét đặc trưng riêng cho đất Thần kinh mà khó có thể ở nơi nào trên đất nước Việt Nam có được. Theo nhà nghiên cứu Trần Đức Anh Sơn trong bài viết “Phủ đệ - nơi lưu giữ Huế xưa” thì “Phủ đệ, tên gọi chốn ấy, là nơi ở của các vương tôn, hoàng tử và công chúa thời Nguyễn. Phủ là nơi ở của các hoàng thân, hoàng tử sau khi lập gia đình, từ đó mới phái sinh danh xưng phủ thiếp để gọi người vợ của hoàng tử, tức là con dâu của nhà vua. Tuỳ theo tôn tước của chủ nhân được triều đình tập phong là tước công hay tước vương mà phủ ấy được gọi là công phủ hay vương phủ. Đệ là lối gọi tắt của từ đệ trạch, là nơi ở của công chúa sau khi hạ giá, tức là công chúa đã được gả chồng. Về sau, người ta thường dùng chữ phủ đệ để gọi chung cho nơi ở của các ông hoàng, bà chúa đã thành thân. Rồi đến một ngày, những ông hoàng, bà chúa ấy trở thành người thiên cổ, khi ấy, toà chính đường trong phủ, nơi trú của tất cả các ông hoàng, bà chúa lúc sinh thời, trở thành nơi thờ tự vong linh của chính họ. Ấy cũng là lúc con cháu của họ thay biển ngạch đề danh trước cổng, đổi chữ phủ hay chữ đệ thành chữ từ hay từ đường, mà dân gian vẫn quen gọi là phủ từ, hàm ý nơi đó thờ tự vị chủ nhân của phủ đệ xưa, nay đã quá cố” [4]. Khảo sát các phủ đệ ở Huế (mặc dù chưa thật sự đầy đủ), chúng tôi nhận thấy ngoài việc thờ tự các ông hoàng bà chúa như phủ Tuy Lý vương, phủ Phong Quốc công, phủ Thoại Thái vương, đệ trạch Diên Phúc công chúa, đệ trạch Ngọc Sơn công chúa... phủ đệ còn là nơi thờ tự những khai quốc công thần – những người có công lao *mang gươm đi mở cõi* với các chúa Nguyễn, có công lao xây dựng đất nước với các vương triều nhà Nguyễn sau này như phủ Vĩnh Quốc công thờ Nguyễn Hữu Độ, phủ Phước Quốc Công thờ Nguyễn Đức Xuyên, phủ Đức Quốc Công thờ Phạm Đăng Hưng... Vì thế, nội dung khắc ghi trên các hoành phi, câu đối ở đây tương đối phong phú nhưng chủ yếu là đề cao tư tưởng, đạo đức Nho giáo, ca ngợi công đức chủ nhân phủ đệ, ca ngợi vùng đất địa linh nhân kiệt.

2.1. Đề cao tư tưởng, đạo đức Nho giáo

Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước phong kiến Việt Nam và có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống văn hoá, văn học của dân tộc. Nhưng tùy theo những diễn biến thăng trầm của lịch sử - xã hội, theo định hướng tư tưởng mà nội dung Nho giáo có nhiều thay đổi qua các triều đại. Dưới thời nhà Nguyễn, tư tưởng Tống Nho được chú trọng phát triển. Các loại hình văn hoá, văn học mang tính chất quan phương đều đề cao tư tưởng thiên mệnh, lý tưởng trung hiếu, bốn phận vua tôi... Và chính điều này, giúp người đọc hiểu được vì sao phần lớn cảm hứng ngợi ca lại được thể hiện nhiều trên các hoành phi, câu đối ở các phủ đệ. Nếu như các hoành phi đều *cô đặc* tư tưởng Nho giáo, lấy đây làm hệ qui chiếu giáo huấn cho hậu sinh như “*Trung hiếu gia bảo, Phủ Vĩnh Quốc công*” (Trung hiếu là vật quý của nhà), “*Túc thanh cao, Phủ Thoại Thái vương*” (Cung kính sự thanh cao), “*Khắc xương quyết hậu. Phủ Kiên Thái vương*” (Hưng thịnh đời sau), “*Giang sơn triều củng, Phủ Kiên Thái vương*” (Chấp tay châu về sông núi), “*Thế độc trung trinh, Đệ Ngọc Sơn công chúa*” (Trung trinh sâu dày qua các thế hệ)... thì ngược lại câu đối do đặc thù của cấu trúc thể loại lại dễ dàng mở rộng vấn đề:

Hiếu trung ích mệnh,

Văn chất kiêm ưu.

(Phủ Tuy Lý vương)

(Hiếu trung càng thêm thịnh vượng,

Văn và chất đều tốt đẹp)

- *Đông tiến nam kim tân chế độ,*

Xuân thường thu tự cố uy nghi.

(Phủ Phong Quốc công)

(Phía đông có hàng tên, phía nam có hàng vàng, thật là chế độ mới,

Mùa xuân lo tế lễ, mùa thu lo thờ tự, muôn đời vẫn uy nghi)

- *Tích hậu lưu quang minh đức lai dã viễn,*

Sùng lễ báo bản kế tự tư bất vong.

(Phủ Kiên Thái vương)

(Tích tụ dòng sáng cho thật sâu dày, để làm cho đức sáng đến lâu dài,

Chuộng cái lễ để báo đáp tổ tiên, suy nghĩ kế tự không bao giờ quên.)...

Đề cao tư tưởng, đạo đức Nho giáo không phải là nội dung mới lạ trong văn hoá, văn học trung đại Việt Nam thế kỷ XIX. Các triều đại phong kiến ở những giai

đoạn trước, dẫu có nhiều biến động thăng trầm thì Nho giáo vẫn là tư tưởng độc tôn để điều hành xã hội. Thơ ca vẫn tập trung ca ngợi tư tưởng trung quân, nghĩa vua tôi, thực hiện lối sống tu, tề, trị, bình... Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là trải qua hàng trăm năm loạn lạc, đất nước bị chia cắt thành nhiều vùng lãnh thổ, cát cứ khác nhau “Triều đình riêng một góc trời/ Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà” (Nguyễn Du. *Truyện Kiều*) thì việc giang sơn thống nhất, thu về một mối của nhà Nguyễn đã đem lại một luồng sinh khí mới cho đất nước, cho người dân. Để ổn định đất nước, xây dựng một thể chế chính trị - xã hội, nhà Nguyễn vẫn tìm đến Nho giáo, vẫn lấy Nho giáo làm kim chỉ nam cho các loại hình kiến trúc thượng tầng. Dễ dàng nhận thấy dấu ấn Nho giáo được thể hiện khắp nơi, từ sân khấu cung đình cho đến chiếu chèo dân gian, từ kiến trúc cho đến hội họa, điêu khắc, từ bát ngàn ô học trang trí theo kiểu “nhất thi nhất họa” trên các cung điện, lăng tẩm cho đến chốn lầu son của các đấng, bậc... Tất cả đều mang âm hưởng ngợi ca hoặc lấy đây làm tấm gương để giáo huấn, răn mình. Hòa chung trong âm hưởng ấy, hoành phi, câu đối ở các phủ đệ đều đồng thanh hưởng ứng mà như chúng tôi đã đề cập ở trên, tạo nên một diện mạo, một sắc thái riêng cho không gian văn hoá cung đình nhà Nguyễn:

Đái lệ thường tồn minh Hán phủ,

Hàn thành vĩnh cố tráng Chu gia.

(Phủ Lạng Giang Quận công)

(Đất nước vẫn còn tồn tại mãi và sáng tỏ như đời nhà Hán,

Việc bút nghiên luôn vững chãi và tráng lệ như thời nhà Chu.)

2.2. Ca ngợi công đức

Cùng với nội dung ca ngợi tư tưởng, đạo đức Nho giáo thì nội dung ca ngợi công đức tổ tiên, ca ngợi chủ nhân của các phủ đệ được thể hiện nhiều trên các hoành phi, câu đối ở đây. Việc phân chia các tiểu mục này theo chúng tôi chỉ mang tính chất tương đối khi cố gắng làm rõ từng nội dung được thể hiện.

Khảo sát cho thấy, ngoài các hoành phi khắc ghi tước, hiệu của các chủ nhân khi họ đã quá cố như “Lạng Giang Quận công từ” (Nhà thờ Lạng Giang Quận công), “Vĩnh Quốc Công từ” (Nhà thờ Vĩnh Quốc công), “Khoái Châu Quận công từ” (Nhà thờ Khoái Châu Quận công), “Diên Phúc công chúa từ” (Nhà thờ công chúa Diên Phúc), “Ngọc Sơn công chúa từ” (Nhà thờ công chúa Ngọc Sơn)... những hoành phi còn lại là do con cháu, bạn bè khắc ghi để ca ngợi, tưởng nhớ công đức của người đã từng góp phần làm rạng danh cho dòng họ, cho tổ tiên, đất nước “*Huyền giai ban thái, Phủ Tuy Biên Quận công*” (Thềm huyền rực rỡ, “*Đạt tam tôn, Phủ Cẩm Xuyên Quận vương*” (Đạt được ba điều tôn quý), “*Hiên tai đại phu, Phủ thờ Thượng thư Phạm Hữu Điển*” (Lành thay bậc đại phu), “*Đạt thiên hạ tôn, Phủ Tuy Lý vương*” (Người đã đạt

được sự tôn kính của mọi người trong thiên hạ), “*Khắc xương quyết hậu*, Phú Kiên Thái vương” (Hưng thịnh đời sau), “*Trường phát kỳ tường*, Phú Kiên Thái vương” (Phát triển đẹp đẽ lâu dài), “*Thế đốc tôn minh*, Đệ Ngọc Sơn công chúa) (Tôn trọng lời ước hẹn suốt đời)... Tương tự, các câu đối ở đây đều hướng tới khẳng định tài năng, dòng dõi, ca ngợi công đức “Thượng trí quân, hạ trạch dân” (Trên thì giúp vua, dưới thì chăm dân), nêu cao tấm gương trung hiếu của tiền nhân cho dấu lịch sử đã bao lần thay đổi:

*Chu mao Thương bá, tán nhung công, hiếu ư gia trung ư quốc,
Đường các Hán đài, minh vĩ liệt, sinh vi tướng một vi thần.*

(Phủ Lạng Giang Quận công)

(Như cờ xí rực rỡ của nhà Chu, nhà Thương, công lao chiến trận thật sáng tỏ, đối với gia đình thì có hiếu, với đất nước thì giữ lòng trung,

Như lâu cao gác lớn của thời Đường, thời Hán, đã khắc in công nghiệp to lớn này, khi sống thì làm tướng, đến khi chết thì lại làm thần.)

*- Lý đình thi lễ truyền kinh đức,
Lỗ quốc y quan báii hậu ân.*

(Phủ Lạc Tịnh viên)

(Gia đình dòng dõi, thơ văn phép tắc truyền mãi cùng đức độ,

Áo mũ nước Lỗ chinh tề để báii lạy ân trạch sâu dày.)

Những bình diện nội dung của tư tưởng Nho giáo được thể hiện đậm đặc ở đây không chỉ khẳng định sự hoà tan vào không khí văn học cung đình mà còn khẳng định được vai trò, sức mạnh của Nho giáo trong việc thiết lập kỷ cương, điều hành thể chế chính trị - xã hội. Dẫu có chuyển đổi từ trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX sang khuynh hướng yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỷ XIX thì Nho giáo vẫn đóng vai trò định hướng đường đi của văn học. Nếu không thế thì không thể nào lý giải được tại sao mở đầu truyện thơ “Lục Vân Tiên” nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu lại khẳng định “Trai thời trung hiếu làm đầu/ Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình”, và trong “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” lại lý giải sự hy sinh của những người nông dân mặc áo lính “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia/ Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ăm đủ đền công đó”. Và cũng chính trên trường ngữ nghĩa này, người đọc mới hiểu vì sao những nhà nho – những lãnh tụ Cần vương đều quyết “Không thành công thì cũng thành nhân”, chiến đấu chống thực dân Pháp đến cùng “Ninh vi trung nghĩa quý/ Bất vi tầm phụ nhân” (*Thà làm ma có hồn trung với nghĩa/ Không làm người đeo mặt ngựa đầu trâu*, Nguyễn Duy Cung) [2, tr. 621]... Tất nhiên, những biến động dữ dội của lịch sử - xã hội xuyên suốt thế kỷ XIX cùng với

sự phát triển lên đến đỉnh cao của văn học chữ Nôm đã làm nảy sinh nhiều hiện tượng văn học có khuynh hướng muốn thoát ra khỏi “lực hút về tâm của Nho giáo” (Lã Nhâm Thìn). Chính những *nổi loạn* này khiến văn học cuối kỳ trung đại trở nên đa dạng và mọi nhìn nhận đánh giá về nền tảng đạo đức Nho giáo lại càng trở nên thiết thực hơn.

Trở lại vấn đề, việc tập trung ca ngợi các bình diện đạo đức của các bậc tiền nhân khiến nội dung câu đối ở các phủ đệ có phần rập khuôn, máy móc, ít có sự sáng tạo nhưng dấu sao qua lăng kính của bạn bè, của con cháu, chân dung ấy không chỉ được tái hiện như vốn có mà còn gia tăng tính cộng hưởng của niềm kính trọng qua sự sàng lọc của thời gian:

*Trung thành cơ thể sơ quy lão,
Văn học kỳ vương thắng hữu biên.*

(Phủ Tuy Lý vương)

(Lòng trung thành và ứng xử của ngài luôn mãi không già,
Tài văn chương của ngài thì sách vở không ghi hết được.)

*- Sinh vi tướng, tử vi thần, sự nghiệp công danh, thiên cổ tại,
Quang ư tiên, dụ ư hậu, tự điền hương hoá, tứ thời xuân.*

(Phủ Phước Quốc công)

(Sống là tướng, chết là thần, sự nghiệp công danh, ngàn thu còn mãi mãi,
Sáng ở trước, rộng ở sau, tự điền hương hoá bốn mùa vẫn xanh tươi.)

Điều gây ấn tượng với chúng tôi là câu đối ở phủ Định Viễn thờ hoàng tử Nguyễn Phúc Bính, con trai thứ sáu của vua Gia Long. Ông là *nhân vật* đặc biệt không chỉ đối với hoàng tộc mà còn đối với người dân Việt Nam lúc bấy giờ. Tuy lớn lên trong cung vàng điện ngọc, trong môi trường văn chương cử tử nhưng suy nghĩ của ông lại có phần *lệch chuẩn* so với cha ông. Có lẽ, ông là người đầu tiên trong phá hệ dòng tộc triều Nguyễn phá vỡ quan niệm tứ dân: sĩ, nông, công, thương khi đề cao, coi trọng vai trò của tầng lớp thương trong đời sống thường nhật. Theo tác giả PhanxiPăng trong bài viết “Định Viễn: Hoàng tử ham chơi mà... giàu to” thì “Ông dựng dãy nhà kho với các thiết bị chứa trữ cần thiết gần bến đò chợ Dinh... Tàu thuyền khắp nơi đến, sau khi thoả thuận giá sỉ, hàng được bốc xếp ngay vào kho, đổi lưu bằng hàng khác mà lái buôn cần, ghi chép giấy tờ thật minh bạch. Thế là từng tàu thuyền nhanh chóng căng buồm đi về... Cánh thương nhân quá thích, dùng nhiều cách bày tỏ lòng biết ơn Định Viễn... Ngoài ra, Nguyễn Phúc Bính còn đích thân vượt sóng sang Nhật Bản tìm hiểu thị trường, kết hợp xuất nhập khẩu cả loạt hàng hoá. Nhờ đó, hoạt động thương mại tại kinh đô Huế càng thêm phồn thịnh, tạo điều kiện thuận lợi

cho rất đông người hăng hái làm việc và an vui thụ hưởng cuộc sống” [3]. Rất tiếc, việc kinh doanh, buôn bán của hoàng tử không tạo nên hiệu ứng cộng hưởng, không góp phần thay đổi tư duy cũ kỹ và có phần lạc hậu, lỗi thời đang hằn sâu trong nếp nghĩ của người đương thời, nhất là những người thuộc tầng lớp trên trong xã hội. Bên cạnh những câu đối ca ngợi cảnh sắc, ca ngợi công đức là câu đối khẳng định công lao to lớn của hoàng tử trong việc kinh doanh:

*Giao lưu sản phẩm, vi dân phú,
Xuất nhập doanh thương, dĩ quốc cường.
(Sản phẩm giao lưu làm cho dân giàu,
Doanh thương xuất nhập khiến cho nước mạnh.)*

Tuy chỉ chiếm một đơn vị so với hàng trăm câu đối khắp các phủ đệ nhưng đã khẳng định được tư duy vượt thoát thời đại của hoàng tử, và điều quan trọng – câu đối ấy vẫn thách thức sự băng hoại của thời gian để tồn tại như một minh chứng về tấm lòng nhiệt huyết của cha ông với dân với nước.

2.3. Ca ngợi vùng đất địa linh nhân kiệt

So với hai nội dung trên thì nội dung ca ngợi vùng đất địa linh nhân kiệt hầu như chỉ được thể hiện qua câu đối và tập trung ở các phủ Kiên Thái vương, Lạc Tịnh viên, Cương Quận công, Định Viễn, Phủ thờ Thượng thư Phạm Hữu Điền, Đệ Ngọc Sơn công chúa. Tuy không nhiều nhưng nhờ có nội dung này, người đọc mới hiểu thêm về ước muốn “gốc rễ vững bền” của các bậc vương tôn, công thần khi hội tụ quanh kinh đô của nhà vua. Và, cho dẫu không chủ ý, chính những vùng đất này đã đóng vai trò cầu nối, nối liền không gian văn hoá cung đình với không gian văn hoá làng xã để hình thành nên một tính cách Huế mà “chẳng nơi nào có được”. Theo nhà nghiên cứu Trịnh Bách “Chính các phủ đệ của ông hoàng bà chúa đã tạo ra cái phong cách Huế cho dân đế đô, vì chúng được xây ngoài phạm vi hoàng thành, xen lẫn với phố xá làng mạc. Cư dân chung quanh ngày xưa rất hãnh diện với các vương phủ trong bản hạt của họ. Họ cung cấp mọi dịch vụ cần thiết cho phủ, và cùng lúc đó họ học hỏi phong cách sống cung đình từ người trong phủ” (Dẫn theo Trần Đức Anh Sơn) [4]. Vì thế, khái niệm vùng *đất thiêng*, địa linh nhân kiệt mà chúng tôi sử dụng ở đây không chỉ giới hạn trong phạm vi không gian phủ đệ mà rộng lớn hơn là kinh đô Phú Xuân – kinh đô cuối cùng của lịch sử phong kiến Việt Nam:

*Quốc vận linh trường, y cựu giang sơn bằng cảnh phúc,
Tiên nguyên khánh tích, trùng tân từ miếu bí tiên hưu.
(Phủ Kiên Thái vương)*

(Vận nước làm cho tổ tiên tồn tại mãi mãi như cũ, cảnh sông núi cũng sánh bằng cảnh phúc,

Dòng giống gốc tích rồng tiên tốt đẹp luôn luôn mới mẻ, nơi thờ tự rục rờ để tổ tiên ngồi nghỉ.)

- *Đặc địa khởi lâu đài, tụy tỵ tinh thần thông trắc giáng,*

Trung thiên kinh chỉ trụ, đỉnh tâm thể thể tức quan chiêm.

(Phủ Kiên Thái vương)

(Đất này dựng lên lâu đài tráng lệ, tích tụ tinh thần tốt đẹp thông cả,

Giữa trời này mọc lên trụ đá, hình dáng, tư thế vững vàng mới mẻ, cung kính ngắm nhìn.)

Hay:

Càn khôn hưng tái tạo, nhi giang sơn tăng mị,

Nhật nguyệt ánh trùng quang, chi cảnh sắc thêm xuân.

(Phủ Định Viễn Quận vương)

(Trời đất hưng tái tạo mà núi sông thêm đẹp,

Nhật nguyệt sáng lại sáng cho cảnh sắc thêm xuân.)

Khác với câu đối ở phủ Kiên Thái vương, Định Viễn Quận vương ca ngợi cảnh sắc của vùng đất thiêng đế đô, câu đối ở Phủ Lạc Tịnh viên, phủ thờ Thượng thư Phạm Hữu Điển thể hiện cuộc sống hoà mình vào thiên nhiên quanh phủ, lánh xa những lao xao cõi trần:

Thoái tại giang hồ, hiệu hiệu tư; bố bị lê canh, Nghiêu Thuấn nhật ưu du, dưỡng ngô chân tính,

Tâm tồn trung ái, thần thần nhĩ; hải âu dã hạc, quế truất lan tôn tú mậu, lạc ngã đan tâm.

(Phủ thờ Thượng thư Phạm Hữu Điển)

(Lui về nơi sông nước, ung dung với áo vải canh lê đó, ngày Nghiêu thán Thuấn để dưỡng chân tính của mình,

Tâm còn ở trung ái, thần thanh như cánh hải âu, dã hạc kia, mầu quế hoa lan tươi tốt làm vui tấm lòng son của ta.)

- *Trúc lý thanh ngâm văn đẳng đệ,*

Hoa viên tản bộ kiến hồ sơn.

(Phủ Lạc Tĩnh viên)

(Khóm trúc ngâm thơ vang gác tía,
Vườn hoa dạo bước ngắm ao con)
- Dũ hạ tự tài số chi kinh được,
Đình biên tương đôi kỷ điểm thanh sơn.

(Phủ Lạc Tĩnh viên)

(Bên cửa sổ nhìn xuống thấy vài cây thuốc trồng bên lối đi,
Ngoài căn nhà gần như một điểm nhỏ đối lại với núi xanh.)
- Thải sắc huy giang sơn, ngọc Sở hương nùng quan miện lý,
Ân vinh trù vũ, triêm kim chi, xuân áng ngọc hoa lâu.

(Đệ Ngọc Sơn công chúa)

(Sắc màu rực rỡ tỏa sáng non sông, hương thơm ngọc Sở đượm
nồng chốn mũ áo vinh hoa,
Ân vinh dày như mưa, thấm nhuần cảnh vàng, xuân tràn ngập
lầu hoa đầy nụ biếc)...

Từ những phân tích, dẫn chứng trên cho thấy, đều có những dạng thức không gian khác nhau thì tâm điểm hướng đến vẫn là tư tưởng Nho giáo. Sự độc tôn của hệ tư tưởng này trong thượng tầng kiến trúc phong kiến nhà Nguyễn góp phần tạo nên những gam màu văn hoá khác nhau so với các giai đoạn trước. Chính vì thế mà từ kiến trúc cung đình cho đến các phủ đệ đều có sự hài hoà, thống nhất tạo nên những đặc trưng riêng biệt cho vùng đất non nước hữu tình.

Tóm lại, hoành phi, câu đối ở các phủ đệ Huế đã góp phần làm nên diện mạo bản sắc, văn hoá Huế trong dòng chảy của lịch sử dân tộc xuyên suốt thế kỷ XIX và kéo dài đến nửa đầu thế kỷ XX. Nhờ có những loại hình nghệ thuật này mà người đọc bao thế hệ mới cảm nhận được những nghĩ suy, khát vọng và tin tưởng của cha ông về vận hội mới của đất nước, về những cống hiến to lớn của tổ tiên. Và cũng nhờ có loại hình nghệ thuật này mà văn học Việt Nam thế kỷ XVIII, XIX có thêm những nội dung, hình thức biểu đạt mới mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] PhangxiPăng (2013), “Định Viễn: Hoàng tử ham chơi mà... giàu to”, *Tạp chí Kiến thức ngày nay*, số 806.
- [4] Trần Đức Anh Sơn (2012), “Phủ đệ - nơi lưu giữ Huế xưa”, *Thừa Thiên Huế online*, ngày 12/04.

THE ECHO OF ANCESTORS THROUGH HORIZONTAL INSCRIPTIONS AND COUPLETS AT RESIDENCES IN HUE

Huynh Van Thang

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: vanthanghmk34@gmail.com

ABSTRACT

Horizontal inscriptions and couplets represent distinctive artistic and literary forms in Vietnamese culture, with origins tracing back to the medieval period and enduring into the present day. Depending on the type of architecture, horizontal inscriptions and couplets convey different themes and messages. This article focuses specifically on examining the content of horizontal inscriptions and couplets engraved at residences in Hue.

Keywords: Confucianism, couplets, horizontal inscriptions, residences.



Huỳnh Văn Thắng sinh ngày 03/02/1992 tại Huế. Ông nhận bằng cử nhân năm 2014 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2018, ông nhận bằng thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hiện ông đang công tác tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học trung đại, Hán Nôm.